

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị xã Cai Lay, ngày 23 tháng 11 năm 2022.

Số: 110/2022/QĐST- DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

2. Ông **Lê Văn Tám**.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 102, 212, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1970;

Anh **Đỗ Văn V**, sinh năm 1992;

Chị **Đỗ Thị M**, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đỗ Văn V “Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2022”.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về dân sự**:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị A, anh Đỗ Văn V, chị Đỗ Thị M phần đất diện tích là 1.280,9 m² nằm một phần trong thửa đất số 65, tờ bản đồ số 27, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.474,9 m², phía Đông một phần giáp với phần đất chia cho bà A, anh V, chị M và một phần giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị B, phía Tây một phần giáp với đường đất và một phần giáp với thửa đất của ông Phạm Văn H, phía Nam một phần giáp với đường đất và một phần giáp với thửa đất của ông Phạm Văn H, phía Bắc một phần giáp với phần đất chia cho bà Nguyễn Thị B và một phần giáp với thửa đất bà Bùi Thị T. Chia cho bà Nguyễn Thị A, anh Đỗ Văn V, chị Đỗ Thị M phần đất diện tích là 2.091,2 m² nằm một phần trong thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.788,9 m², phía Đông giáp phần đất chia cho bà A, anh V, chị M, phía Tây giáp phần đất chia cho bà A, anh V, chị M, phía Nam giáp phần đất chia cho bà A, anh V, chị M, phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị B. Chia cho bà Nguyễn Thị A, anh Đỗ Văn V, chị Đỗ Thị M phần đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 27, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.981,8 m², phía Đông một phần giáp với thửa đất của bà Phong Thị D và một phần giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị B, phía Tây một phần giáp với phần đất chia cho bà A, anh V, chị M và một phần giáp với phần đất chia cho bà Nguyễn Thị B, phía Nam giáp đường đất, phía Bắc giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị B.

+ Chia cho bà Nguyễn Thị B phần đất diện tích là 194 m² nằm một phần trong thửa đất số 65, tờ bản đồ số 27, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.474,9 m², phía Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị B, phía Tây giáp với thửa đất của bà Bùi Thị T, phía Nam giáp với phần đất chia cho bà A, anh V, chị M, phía Bắc giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị B. Chia cho bà Nguyễn Thị B phần đất diện tích là 1.697,7 m² nằm một phần trong thửa đất số 66, tờ bản đồ số 27, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.788,9 m², phía Đông giáp với phần đất chia cho bà A, anh V, chị M, phía Tây một phần giáp với phần đất chia cho bà A, anh V, chị M và một phần giáp với phần đất chia cho bà Nguyễn Thị B, phía Nam giáp với phần đất chia cho bà A, anh V, chị M, phía Bắc giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị B.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia nói trên theo quy định pháp luật.

- **Về án phí:** Do các đương sự có thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A 4.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai

thu số 0002432 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy; hoàn lại cho anh Đỗ Văn V 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0002433 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy; hoàn lại cho chị Đỗ Thị M 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002431 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn